BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 110 /QĐ-ATBXHN

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2021 của Cục An toàn bức xạ và hạt nhân

CỤC TRƯỞNG
CỤC AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Công văn số 123/KHTC ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Vụ Kế hoạch - Tài chính về việc báo cáo tình hình thực hiện công khai ngân sách quý I năm 2021;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch và Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2021 của Cục An toàn bức xạ và hạt nhân *(theo các biểu đính kèm).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch và Tài chính, Kế toán trưởng Cục, Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Vụ KHTC;
- Lưu VT, KHTC.

CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Nguyễn Tuấn Khải

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC CỤC AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 110 /QĐ- ATBXHN ngày 05/4/2021 của Cục trưởng Cục An toàn bức xạ và hạt nhân)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó		
				Văn phòng Cục	Trung tâm HTKT ATBXHN &UPSC	Trung tâm Thông tin và Đào tạo
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**					
1	Số thu phí, lệ phí	12.870,0	12.870,0	12.870,0		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	10.685,0	10.685,0	10.685,0		
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	2.185,0	2.185,0	2.185,0		
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**10.979,3**	**10.979,3**	**7.189,3**	**2.990,0**	**800,0**
1	***Chi quản lý hành chính***	***6.127,3***	***6.127,3***	***6.127,3***		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.127,3	6.127,3	6.127,3		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	***Nghiên cứu khoa học***	***4.852,0***	***4.852,0***	***1.062,0***	***2.990,0***	***800,0***
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	390,0	390,0		390,0	
-	*Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia*					
-	*Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ*	*390,0*	*390,0*		*390,0*	
-	*Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở*					
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	*3.400,0*	*3.400,0*		2.600,0	800,0
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.062,0	1.062,0	1.062,0		
-	*Các nhiệm vụ do cơ quan có thẩm quyền giao*	*800,0*	*800,0*	800,0		
-	*Hợp tác quốc tế*	*262,0*	*262,0*	262,0		
2.4	Kinh phí nhiệm vụ chuyển tiếp năm trước					
3	***Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường***					
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					